TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kền

Bà Lê Thu Thúy.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1959; nơi cư trú: tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ H, khu H, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn K chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 7 năm 1980, việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nhưng chỉ tổ chức ăn hỏi, thông báo cho họ hàng hai bên gia đình biết, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Ngoài ra ông K có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên về nhà chửi mắng, nhục mạ bà. Bà và ông K cũng đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có

kết quả. Vì con cái chưa trưởng thành nên bà phải nhẫn nhịn để các con có một gia đình đầy đủ, nhưng thực tế ông bà đã sống ly thân từ năm 2005. Đến nay, bản thân bà thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được, bà cũng không còn tình cảm gì với ông K. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải, ông Nguyễn Văn K xác nhận ông và bà Y chung sống từ năm 1980 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay, ông cũng thừa nhận vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Tuy nhiên theo ông việc bà Y cho rằng ông có quan hệ ngoài luồng với phụ nữ khác là không đúng mà nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có công ăn việc làm dẫn đến thường xuyên cãi vã, ngoài ra còn do bà Y hay đi với người đàn ông khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y ông có quan điểm: mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu nhưng ông bà đều đã nhiều tuổi, con cái đã trưởng thành nên ông không muốn phải giải quyết ly hôn trước Tòa án, bản thân ông không muốn mọi người nghĩ là ông bỏ vợ, bỏ con, do đó ông không đồng ý thuận tình ly hôn với bà Y. Nếu bà Y vẫn muốn giải quyết đơn phương thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn K đều trình bày: quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/11/1981; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/10/1985 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 24/11/2005. Các con chung của ông bà đã thành niên và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông K và bà Y đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: ông K và bà Y đều trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Ông Nguyễn Văn K vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày: ông đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tuy nhiên do có việc bận không đến tham dự phiên tòa được đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông. Ông giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Bản tự khai ngày 14/11/2024 với Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K; bà Y và ông K đều có nơi cư trú tại thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Y và ông K chung sống với nhau từ năm 1980 trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bà Y và ông K chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và điểm b khoản 4 Điều 2 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 thì việc ông bà chung sống với nhau là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án bà Y và ông K đều có lời khai xác định: vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, bà Y trình bày từ năm 2005 còn ông K xác định từ năm 2015 nhưng đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân với nhau, và đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Tại phiên tòa bà Y cũng trình bày bà không còn tình cảm gì với ông K mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn để giải thoát cho bà. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Y và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Hơn nữa trong Bản tự khai và phiên hòa giải ông K có quan điểm không đồng ý ly hôn với bà Y nhưng cũng trình bày là vì con cái đã trưởng thành, ông không muốn ly hôn trước pháp luật, và không muốn người khác nghĩ ông bỏ vợ, con chứ không phải vì tình cảm vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Y, cho bà Y được ly hôn với ông K.

2.2 Về con chung: bà Y và ông K có 03 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/11/1981; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/10/1985 và Nguyễn Thu M, sinh ngày 24/11/2005. Các con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên bà Y và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: bà Y và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4 Về các khoản nợ chung: bà Y và ông K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị Y sinh năm 1959, là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi, có đơn xin được miễn tạm ứng án phí và án phí, thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí đối với bà Y theo quy

định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm b khoản 4 Điều 2 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2.Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Y.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Hà Khẩu, TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thủy